

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN S  
TP HÀ NỘI**

**Số: 15/2021/QĐST-DS**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

***Sóc Sơn, ngày 26 tháng 4 năm 2021***

## **QUYẾT ĐỊNH CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

Căn cứ Nghị định số 163/2006/NĐ – CP ngày 29/12/2006 của Chính phủ về giao dịch bảo đảm và Nghị định số 11/2012/NĐ – CP ngày 22/02/2012 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 163/2006/NĐ – CP ngày 29/12/2006 của Chính phủ về giao dịch bảo đảm.

Căn cứ Khoản 7 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 16 tháng 4 năm 2021 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 07/2021/TLST-DS ngày 11 tháng 01 năm 2021.

### **XÉT THẤY:**

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**I. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:**

**Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam.**

Địa chỉ: Số 22 Ngõ Q, phường Trảng T, quận Hoàn K, TP Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông **Nguyễn Đình L** – Chủ tịch Hội đồng quản trị Ngân hàng PVBank.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông **Mai Xuân Th** – Giám đốc Khối quản lý và tái cấu trúc tài sản, theo giấy ủy quyền số: 10771/UQ – PVB ngày 10/6/2020 của

Chủ tịch HĐQT ngân hàng Pcombank.

Người đại diện theo ủy quyền lại: Ông **Nguyễn Cảnh T** – chuyên viên tổ tụng - theo Giấy ủy quyền số 17093/2020/UQ – PVB ngày 27/8/2020.

**Bí đơn:** Anh **Trần Duy B**, sinh năm 1992.

Chị **Nguyễn Thị Huyền Tr**, sinh năm 1993.

Địa chỉ: Thôn Nam L, xã Bắc S, huyện S, TP. Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền của chị Nguyễn Thị Huyền Tr là anh Trần Duy B, sinh năm 1992 ở thôn Nam L, xã Bắc S, huyện S, thành phố Hà Nội.

II. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

1- Về số tiền vay: Người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam và anh Trần Duy B, chị Nguyễn Thị Huyền Tr xác nhận tính đến ngày 16/4/2021 anh B, chị Tr còn nợ Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam số tiền là 2.415.866.215 đồng (*Hai tỷ, bốn trăm mười năm triệu, tám trăm sáu mươi sáu nghìn, hai trăm mười lăm đồng*), trong đó nợ gốc là 1.732.500.000 đồng và nợ lãi là: 683.366.215 đồng (lãi trong hạn: 545.616.267 đồng, lãi quá hạn 137.749.948 đồng). Các bên thống nhất thỏa thuận anh B, chị Tr có trách nhiệm trả cho Ngân hàng toàn bộ số nợ trên.

2- Về lãi suất phát sinh: Anh Trần Duy B và chị Nguyễn Thị Huyền Tr tiếp tục phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam tiền lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng đã ký kể từ ngày 17/4/2021 đến khi tất toán xong khoản vay.

3. Anh B, chị Tr không trả hoặc trả không đủ các khoản tiền nêu trên cho Ngân hàng thì Ngân hàng TMCP đại chúng Việt Nam có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án kê biên phát mãi tài sản đã thế chấp gồm quyền sử dụng đất và tài sản khác gắn liền với đất theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số công chứng 4687.2017, quyền số 09 TP/CC – SCC/HĐGD ngày 12.10.2017 của Văn phòng công chứng Hai Bà Tr, TP Hà Nội.

4. Trường hợp tiền phát mãi tài sản bảo đảm không đủ trả nợ cho Ngân hàng thì anh B, chị Tr phải tiếp tục trả nốt toàn bộ khoản nợ gốc và lãi suất theo hợp đồng tín dụng từng lần số 367/2017/HĐTD/PVB – HBT ngày 12/10/2017.

5. Về án phí: Ghi nhận sự thỏa thuận của các bên, anh Trần Duy B và chị Nguyễn Thị Huyền Tr nộp toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật là: 40.158.000 đồng (*Bốn mươi triệu, một trăm năm mươi tám nghìn đồng*).

Trả lại Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam số tiền 39.392.000 đồng (*Ba mươi chín triệu ba trăm chín mươi hai nghìn đồng*) tạm ứng án phí đã nộp tại Chi

cục Thi hành án dân sự huyện S, TP. Hà Nội, biên lai số AA/2018/0019412 ngày 11/01/2021.

III. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

IV. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

**Nơi nhận:**

- *Đương sự;*
- *VKSND. huyện S;*
- *Chi cục THADS huyện S;*
- *Tòa án nhân dân TP. Hà Nội*
- *Lưu hồ sơ vụ án, VP.*

**THẨM PHÁN**

**Ngô Thị Hồng**